TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:140/2024/HSST
Ngày:30/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà:* Bà Hà Thị Thu Thủy.
- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hồng Hải.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Cao Văn Chiến-Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:* Ông Dương Văn Thuận-Kiểm sát viên.

Ngày 30/08/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 07 năm 2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/QĐXX-ST ngày 01/08/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc T1; tên gọi khác: Không; sinh năm 1988; tại Hà Nội; trú tại: Đội 3, xã TN, huyện TT, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa lớp: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá N và bà Trần Thị N; bị cáo có vợ là Lê Thị Vân, vợ chồng bị cáo có 03 con chung (con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2019).

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 20/11/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội *"Bắt, giữ người trái pháp luật"*, tại Bản án số 138/HSST.

Ngày 29/02/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 07 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", tại bản án số 50/2024/HSST.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án này. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4-Bộ Công an trong vụ án *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo bản án của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên (Bị cáo có mặt tại phiên toà).

2. Nguyễn Anh T; tên gọi khác: Không; sinh năm 1979; tại Hà Nội; trú tại: Đội 3, xã TN, huyện TT, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa lớp:12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá N và bà Trần Thị N, bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thùy D, vợ chồng bị cáo có 03 con chung (con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2010).

Tiền án: (01) Ngày 02/11/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội xử phạt 27 tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, tại bản án số 92/HS-ST. Chấp hành xong bản án ngày 13/4/2023, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp *"Tái phạm"*.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 10/9/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội xử phạt 02 năm tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, tại Bản án số 71/2009/HSST.

Ngày 13/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*, tại Bản án số 63/2013/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/02/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (Bị cáo có mặt tại phiên toà).

Bị hại: Anh Dương Văn L, sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Trú tại: Thôn HL, xã BL, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Hiện anh Lựu đang đi chấp hành án tại phân trại số 4-Trại giam Ngọc Lý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1968 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Trú tại: Đội 3, xã TN, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

2. Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1981(có mặt);

Trú tại: Đội 3, xã TN, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

3. Chị Lê Thị V, sinh năm 1996 (có mặt);

Trú tại: Đội 3, xã TN, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Người làm chứng:

1. Chị Trần Thị D, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Trú tại: Xóm C, xã HT, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Trú tại: Thôn HL, xã BL, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T1 và anh Dương Văn L có mối quan hệ quen biết nhau. Ngày 15/12/2022 L có cùng một số người có hành vi trộm cắp dây cáp điện tại phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, đến ngày 04/01/2023, đồng bọn của anh L đã bị phát hiện bắt giữ chỉ còn L chưa bị bắt. Khoảng giữa tháng 6/2023, anh Lsợ bị Công an thành phố Bắc Giang bắt giữ nên đã bỏ trốn đến thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 24/6/2024, anh L gặp T tại nhà ông Hoàng Văn H (sinh năm 1963) thuộc tổ dân phố Tân Thịnh, phường Tân Hương, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên là nơi mà T1 thuê trọ. Anh L hỏi và nhờ T1 xem có ai quen biết có thể lo giúp anh L không bị xử lý hình sự hay không (L và T1 gọi là chạy án). T1 không quen biết ai có thể lo chạy án cho anh L nhưng vẫn đưa ra thông tin có thể giúp L chạy án để anh L đưa tiền chạy án cho T1. Mục đích nếu anh L không bị xử lý hình sự thì T1 sẽ chiếm đoạt số tiền này, còn nếu anh L bị xử lý hình sự thì T1 sẽ trả lại cho anh L. Để thực hiện hành vi, T1 sử dụng điện thoại lắp sim số 0876808888 của mình gọi điện cho Nguyễn Anh T (là anh trai ruột của T1) qua số thuê bao 0388217286 nói về việc anh L có liên quan đến vụ trộm cắp tài sản ở thành phố Bắc Giang và bảo T giả là người có tên "Trí H" làm ngành y, có quen biết cán bộ Công an thành phố Bắc Giang, có thể giúp anh L chạy án thì T đồng ý. Sau đó T1 cho anh L số điện thoại của T và bảo anh L tự liên hệ cho dễ. Anh L gọi điện cho T thì T giới thiệu tên là "Trí Huệ" làm y tế, có phòng khám bên Bắc Giang nhưng thực tế T không có phòng khám nào cả. Anh L nói với T là *"bọn nó ăn trộm, có bán cho em ít đồng, anh hỏi hộ giúp em xem như thế nào"*. T bảo để anh hỏi xem. Sau khi nói chuyện với anh L, T gọi điện cho T1 bảo T1 hỏi anh L xem có lo được 350.000.000 đồng không, T1 nói chuyện với anh L thì anh L nói *"vâng để em lo",* khi đó tài khoản của anh L mới có 100.000.000 đồng nên anh L nói với T1*"em mới xoay được 100.000.000 đồng anh cầm tạm lo việc trước cho em"* thì T1 bảo khi nào có đủ 150.000.000 đồng thì chuyển cho anh và bảo anh L cứ chuyển tiền vào tài khoản của T1 để T1 chuyển cho T. Đến tối cùng ngày 24/6/2024, do tài khoản của anh L bị lỗi không chuyển được tiền nên nhờ T1 chuyển giúp trước tiền cho T thì T1 đồng ý và nói tài khoản có 110.000.000 đồng, T1 cho anh L vay 100.000.000 đồng còn 10.000.000 đồng T1 cho anh L để lo chạy án. Anh L hỏi vay của chị Trần Thị D (sinh năm 1994, trú tại xóm Cậy, xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên) 40.000.000 đồng để T1 chuyển đủ cho T 150.000.000 đồng trước. Chị D đồng ý và chuyển số tiền 40.000.000 đồng từ tài khoản của mình đến số tài khoản của T1. Sau khi nhận được tiền, T1 gọi điện thông báo cho T biết thì T bảo T1 chuyển tiền nhờ vào tài khoản của ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1968, trú tại Đội 3, xã TN, huyện Thường Tín, Hà Nội) gần nhà của T1 và T, T1 đã chuyển số tiền 150.000.000 đồng cho ông T, cùng ngày ông T đã chuyển lại số tiền 150.000.000 đồng đến tài khoản của

chị Nguyễn Thị Thùy D (là vợ của T). Sau khi chuyển tiền cho ông T, T chụp lại hình ảnh và gửi cho anh L biết để làm tin. Ngày hôm sau anh L đã chuyển trả cho chị D số tiền 40.000.000 đồng và trả cho T1 100.000.000 đồng đã vay. Sau khi nhận được 150.000.000 đồng, T1 nhắn tin thúc giục anh L chuẩn bị nốt tiền để lo việc chạy án. Đến ngày 02/7/2023, anh L tiếp tục vay mượn được 150.000.000 đồng và gặp T1 tại nhà của ông H, anh L bảo với T1 là không lo được thêm nữa và chuyển số tiền 150.000.000 đồng cho T1. T gọi điện cho T nói với T1 là bảo anh L không cần chuyển thêm tiền nữa. Số tiền 150.000.000 đồng nhận của anh L, T gọi điện cho ông T1 bảo chuyển tiền cho ông T để ông T rút tiền mặt gửi cho gia đình T1. Sau khi chuyển tổng số tiền 290.000.000 đồng cho T1 cộng với 10.000.000 đồng T1 cho để lo chạy án. Anh L nhắn tin hỏi T1 đã lo được việc chưa thì T1 nhắn tin bảo *"yên tâm, khi nào bọn kia xử xong là Lựu không liên quan gì"*. Tuy nhiên đến ngày 07/7/2023, anh L nhận được thông báo của gia đình về việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang đã khởi tố bị can đối với anh L và Viện kiểm sát đã phê chuẩn nên anh L gọi điện báo cho T1 biết. Biết anh L đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang khởi tố, T1 gọi điện bảo T trả lại tiền cho anh L thì T đã bảo chị D chuyển trả cho T1 150.000.000 đồng. T1 đã chuyển khoản trả cho anh L 200.000.000 đồng và đưa cho anh L 25.000.000 đồng tiền mặt, số tiền còn lại 65.000.000 đồng T1 hẹn sẽ trả lại anh L sau. Đến ngày 11/7/2023 T1 và anh L bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên bắt giữ về hành vi *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* tại thành phố Thái Nguyên. Anh L đã tố giác hành vi *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* (tiền chạy án) của Nguyễn Ngọc T1 và người có tên "Trí Huệ" tức Nguyễn Anh T tại thành phố Phổ Yên với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang. Ngày 31/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang đã chuyển nguồn tin về tội phạm nêu trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phổ Yên giải quyết theo thẩm quyền.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Ngọc T1 và Nguyễn Anh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của minh như đã nêu ở trên.

Cáo trạng số:110/CT-VKSPY ngày 11/07/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc T1 và Nguyễn Anh T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phầm thẩm vấn đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Ttuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc T1 và Nguyễn Anh T phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo

Nguyễn Ngọc T1 từ 7 năm 06 tháng đến 08 năm tù;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù;

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa các bị cáo và bị hại. Các bị cáo đã bồi thường xong cho anh L số tiền 300.000.000đồng.

Về vật chứng: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Anh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà Nước.

Phần tranh luận: Các bị cáo không tranh luận gì, nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát.

Nói lời sau cùng các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, rất ân hận về việc làm của mình đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm được về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phổ Yên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên toà bị hại anh L vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng chị D, chị H vắng mặt. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt và đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Xét thấy những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, nên căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Bị cáo Nguyễn Ngọc T1 và Nguyễn Anh T là hai anh em ruột, không làm việc trong cơ quan, tổ chức nào, không có mối quan hệ quen biết

cán bộ Công an thành phố Bắc Giang nào, tuy nhiên khi anh Dương Văn L nhờ lo cho anh L không bị xử lý hình sự thì bị cáo T1 đã gọi điện thoại cho bị cáo T rồi cùng nhau thống nhất đưa ra thông tin gian dối là T giả tên là "Trí Huệ" làm ở ngành Y, có quen biết với cán bộ Công an thành phố Bắc Giang có thể lo cho anh L không bị xử lý hình sự và T1 đã yêu cầu anh L chuyển cho T1 số tiền 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng) để lo công việc, sau đó anh L do tin tưởng nên vào ngày 24/6/2023 và ngày 02/7/2023 tại nhà ở của ông Hoàng Văn H thuộc tổ dân phố TT, phường TT, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (nơi T1 thuê trọ) anh Dương Văn L đã chuyển cho T1 tổng số tiền 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng), để T1 chuyển cho T để lo "chạy án". Mục đích nếu như anh L bị khởi tố xử lý hình sự thì các bị cáo sẽ trả lại số tiền này cho anh L, còn nếu anh L không bị xử lý hình sự thì các bị cáo sẽ chiếm đoạt số tiền này để chi tiêu cho gia đình. Như vậy hành vi, ý thức nêu trên của các bị cáo Nguyễn Ngọc T1 và Nguyễn Anh T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Do đó bản cáo trạng số của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

"Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng…".

[4]. Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền để tiêu sài mà không phải bỏ sức lao động chân chính nên đã dẫn các bị cáo đến việc phạm tội. Hành vi đó của bị cáo đã gây mất trật tự an ninh ở địa phương. Do vậy cần phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo giáo dục các bị cáo và để răn đe, phòng ngừa chung.

Xét vị trí và vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, mặc dù các bị cáo có thống nhất với về việc lừa anh L có thể lo cho anh L không bị xử lý hình sự và yêu cầu anh L chuyển số tiền theo yêu cầu của các bị cáo, xong các bị cáo cũng không có sự phân công, phân nhiệm cụ thể chi tiết như thế nào nên xác định không phải có tổ chức. Bị cáo T1 là người

khởi xướng và rủ bị cáo T lừa anh L, bị cáo T1 là người giữ vai trò chính, bị cáo T là đồng phạm với vai trò giúp sức, nên hình phạt của bị cáo T1 cao hơn bị cáo T.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt thấy: Các bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động, nhưng do thiếu tu dưỡng rèn luyên nên đều đã phạm tội và bị đưa ra xét xử nhưng đã không lấy đó làm bài học để sửa chữa bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo T phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra các bị cáo và gia đình các bị cáo đã tự nguyên trả lại số tiền 290.000.000 đồng cho anh L và bị cáo T1 trả thêm cho anh L 10.000.000đồng (mười triệu đồng); Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cho các bị cáo được hưởng chung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo có mẹ đẻ là Thanh niên xung phong bị thương tật 55% và được hưởng chế độ như thương binh nên cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo đều là người có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bản thân nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn kiếm tiền một cách nhàn hạ mà không phải từ lao động chân chính nên cố tình phạm tội, các bị cáo là người có nhân thân xấu, phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy cần có mức hình phạt nghiêm khắc, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian vừa đủ thì mới có thể cải tạo các bị cáo thành người làm ăn lương thiện và có ích cho xã hội được.

Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên toà là phù hợp được chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội không mang tính chất vụ lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi bị bắt giữ về hành vi *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* tại thành phố Thái Nguyên, bị cáo T1 đã tác động chị V là vợ của trả nốt cho gia đình anh L số tiền 65.000.000đồng (sáu mươi năm triệu đồng) và bị cáo T1 còn trả thêm cho anh L 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) là số tiền T1 đã hứa cho anh L. Tổng cộng các bị cáo đã hoàn trả cho anh L số tiền 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng). Anh L đã nhận được đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì khác nên cần ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận bồi thường này.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về thu, miễn giảm án phí, lệ phí tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của bộ luật tố tụng hình sự.

[10]. Các vấn đề khác: Trong vụ án này, ông Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thùy D nhận số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) do T1 chuyển khoản đến. Quá trình điều tra xác định ông T và chị D không biết nguồn gốc tiền là do phạm tội mà có, không được bàn bạc gì với T1 và T và sau đó chị D đã chuyển trả lại cho T1 số tiền 150.000.000đồng theo yêu cầu của T1, nên cơ quan điều tra không xử lý gì với ông T và chị D là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại và sim điện thoại T1 dùng để liên lạc với T và anh L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên đã tạm giữ của T1 trong vụ án *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*. Đối với chiếc điện thoại và sim điện thoại T sử dụng liên lạc với T1 và anh L. Sau khi biết anh L bị xử lý hình sự, T đã vứt đi không sử dụng nữa, nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc T1 và Nguyễn Anh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt chính: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T1 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt 07 (bẩy) năm tù tại bản án số 50/2024/HSST ngày 29/02/2024 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn thụ hình tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 13/7/2023.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình. Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T 07 (bẩy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/02/2024.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự ra quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Anh T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo công tác thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo và bị hại. Bị cáo và gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường xong cho bị hại anh L số tiền 290.000.000đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng), ngoài ra bị cáo T1 còn trả thêm cho anh L 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) là số tiền bị cáo Tân đã hứa cho anh L.

5. Về vật chứng: Không đặt ra việc giải quyết.

6. Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Ngọc T1 và Nguyễn Anh T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà Nước.

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của bộ luật tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị D, chị V báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T vắng mặt, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố P Y
- Cơ quan điều tra CA thành phố P Y;
- THAHS;
- CCTHAdân sự thành phố PY;
- UBND xã TNn, huyện Thường Tín;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.